| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRIỆU PHONG**<br>**TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*Bản án số:20 /2023/DS-ST*
*Ngày: 08/9/2022*
*V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Phước.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Điệp và ông Hoàng Đức Bảo.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Đặng Thị Ngọc Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Phong.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:*** Bà Thái Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2023/TLST- DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST- DS ngày 09 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Nguyễn C, sinh năm 1965; nơi cư trú: Tiểu khu 4, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện theo ủy quyền của ông C: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966 (vợ ông C); nơi cư trú: Tiểu khu 4, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (theo giấy ủy quyền ngày 13/4/2023) - Có mặt.

*2. Bị đơn:* Ông Hoàng Đ, sinh năm 1965 và bà Lê Thị V, sinh năm 1961; đều có nơi cư trú: Tiểu khu 4, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

*3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966 (vợ ông C); nơi cư trú: Tiểu khu 4, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

+ Ông Hoàng Anh Q, sinh năm 1988 (con ông Đ, bà V); nơi cư trú: Tiểu khu 4, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Hoàng Anh T, sinh năm 1994 (con ông Đ, bà V); nơi cư trú: Tiểu khu 4, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có đón xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2023; ý kiến tại phiên hòa giải ngày 19/4/2023; ngày 09/8/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Năm 1978, chị ruột ông C là bà Nguyễn Thị M đã khai hoang, phục hóa một thửa đất có diện tích hơn 2000m$^2$ tại tiểu khu 4, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Vì bố, mẹ ông C mất sớm nên ông C ở với chị ruột là bà Nguyễn Thị M. Đến năm 1989, bà M qua đời nên ông C tiếp tục sử dụng thửa đất của bà M đã khai

hoang, phục hóa nói trên. Năm 1990, ông C lập gia đình với bà Nguyễn Thị T, hai vợ chồng tiếp tục sử dụng thửa đất này và sinh sống từ đó cho đến nay. Quá trình sử dụng đất, vợ chồng ông C đã tiến hành kê khai theo chủ trương của Nhà nước. Trong số diện tích đất đã khai hoang phục hóa thì một phần được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, một phần ông Châu đã chuyển nhượng cho người khác. Phần đất còn lại 1062,5m$^2$ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã được kê khai, quy chủ và ghi vào sổ mục kê đất đai của UBND thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong với diện tích 1.062,5 m$^2$, loại đất ODT+BHK, thửa số 82, tờ bản đồ số 4, tại tiểu khu 4, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong (nay là thửa số 293 tờ bản đồ số 4); hiện tại thửa đất đang tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ranh giới được xác định như sau: Phía Đông Bắc giáp đất của gia đình C và đất của hộ ông Ngô Trí D, Nguyễn Xuân H; phía Tây Nam giáp Hội trường tiểu khu 4; phía Tây Bắc giáp đường Lê Hữu Trữ; phía Đông Nam giáp hộ ông Hoàng Đ. Quá trình sử dụng, vào năm 2020 gia đình ông Hoàng Đ và bà Lê Thị V đã lấn chiếm sang đất của gia đình ông C khoảng 36 m$^2$ dọc theo ranh giới giữa hai nhà (có hình dạng một tam giác, chiều dài cạnh giáp ranh giới hộ ông Đông là 47,96m, chiều dài cạnh giáp Hội trường tiểu khu 4 là 1,5m). Ví trí phần đất bị lấn chiếm như sau: Phía Đông Bắc giáp đất của gia đình ông Châu; phía Tây Nam giáp Hội trường tiểu khu 4; phía Tây Bắc giáp đất của gia đình ông Châu; phía Đông Nam giáp đất hộ ông Hoàng Đông. Sau khi phát hiện gia đình ông C bị ông Đ, bà V lấn đất, gia đình ông C đã làm đơn đề nghị UBND thị trấn Ái Tử Hòa giải. Tại phiên hòa giải ngày 11/11/2021 gia đình ông C chấp nhận kết quả hòa giải của UBND thị trấn Ái Tử. Tuy nhiên, trong quá trình gia đình ông C làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vào ngày 14 tháng 9 năm 2022 ông Đ, bà V tự ý dùng 13 cọc bê tông (rào bằng dây kẽm gai) trồng và lấn sang đất nhà ông C vượt quá kết quả hòa giải của UBND thị trấn Ái Tử. Quá trình đo đạc, xem xét thẩm định tại chổ xác định ông Đông bà Vui lấn chiếm 47,3 m$^2$ nên ông C bổ sung nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị giải quyết, buộc ông Đ, bà V tháo dỡ cọc bê tông và dây thép gai đã rào trên phần đất của ông C để trả lại nguyên trạng ban đầu cho gia đình ông C với diện tích 47,3 m$^2$ đất (theo kết quả đo vẽ của Hội đồng thẩm định) mà gia đình ông Đ, bà V đã lấn chiếm của gia đình ông C dọc theo ranh giới giữa gia đình ông C và gia đình ông Đ, bà V có vị trí: Phía Đông Bắc giáp đất của gia đình ông Châu; phía Tây Nam giáp Hội trường tiểu khu 4; phía Tây Bắc giáp đất của gia đình Châu; phía Đông Nam giáp hộ ông Hoàng Đông. Đồng thời đề nghị Tòa án buộc ông Đ, bà V tháo dỡ 13 cọc bê tông và dây thép gai đã rào trên phần đất của ông C để trả lại nguyên trạng ban đầu cho gia đình ông C.

*Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 24/3/2023; ý kiến tại phiên hòa giải ngày 19/4/2023; 09/8/2023 và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:*

Gia đình ông Đ có đất giáp với đất của gia đình ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị T về phía Bắc. Trước đây, gia đình ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị T đã từng gửi đơn lên Ủy ban nhân dân thị trấn Ái Tử cho rằng gia đình ông Đ có lấn chiếm sang diện tích đất của họ và đã được giải quyết bằng biên bản hoà giải. Căn cứ vào kết quả hoà giải đã xác định được ranh giới diện tích đất của hai gia đình, gia đình ông C đã tiến hành cắm cọc làm hàng rào để tránh rắc rối về tranh chấp đất đai sau này. Việc cắm cọc làm hàng rào này gia đình ông Đ có sang thông báo với gia đình ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị T biết là gia đình ông Đ cắm cọc làm hàng rào theo biên bản hoà giải và ông C, bà

T không có ý kiến gì, chỉ làm thinh. Sau đó gia đình ông C nhổ một số cọc của gia đình ông Đ đã cắm ra khỏi đất. Mặt khác, số liệu bản đồ địa chính được lập năm 2012 sẽ khác với số liệu diện tích đất thực tế của gia đình ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị T. Bởi vì sau khi bản đồ địa chính năm 2012 được lập thì con đường Lê Hữu Trữ (Tiểu khu 4, Thị Trấn Ái Tử, Triệu Phong, Quảng Trị) được mở rộng về phía Nam của con đường này có cắt qua phần đất của gia đình ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị T nên diện tích đất thực tế sẽ bị giảm so với diện tích đất được ghi nhận trên bản đồ địa chính. Do đó, khi thấy gia đình ông Đ cắm cọc làm hàng rào trên đất thì nghĩ gia đình ông Đ đã lấn sang phần đất của họ trong khi gia đình ông Đ làm đúng theo biên bản hoà giải. Ông Đ, bà V khẳng định không có việc lấn chiếm đất của gia đình ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị T như đơn khởi kiện ông C. Theo biên bản hòa giải ngày 06/3/2020 hai bên gia đình đã thống nhất xác định ranh giới theo bản đồ năm 2012. Tuy nhiên, khi ghi số liệu trong biên bản hòa giải, Hội đồng hòa giải có ghi sai số liệu so với bản đồ 2012 (cụ thể là chiều rộng phía Tây giáp Hội trường tiểu khu 4 trong bản đồ 2012 là: 21,51m. Còn ghi trong biên bản hòa giải năm 2020 là 21,30m, tức chênh lệch 0,21m) do sơ suất này của Hội đồng hòa giải. Gia đình ông Đ đã căn cứ vào đó để cắm cột mốc ranh giới cũng bị lệch 0,21m qua đất hộ ông Nguyễn C. Do đó gia đình ông Đ có thiện chí sẵn sàng dời cột mốc về 0,21m. Việc này hai hộ gia đình tự sắp xếp, thỏa thuận và có sự chứng kiến của hai gia đình hai bên; còn nếu hộ gia đình ông Nguyễn C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện thì gia đình ông Đ, bà V không chấp nhận yêu cầu và giữ nguyên hàng rào mà gia đình ông Đđang sử dụng.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về phần thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1,2 Điều 228; khoản 1 Điều 157; khoản 1, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 101; Điều 166 Luật đất đai năm 2013; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C. Buộc ông Hoàng Đvà bà Lê Thị V phải thảo dở hàng rào bằng thép gai B40 và nhiều trụ bê tông để trả cho ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị T diện tích 47,3m$^2$, đất mà gia đình ông Đ, bà V đã lấn chiếm, dọc theo ranh giới của hai hộ gia đình.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chổ và án phí: Ông Hoàng Đ và bà Lê Thị T phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chổ và án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Hoàng Đ và bà Lê Thị V phải trả lại diện tích đất mà ông Nguyễn C cho rằng gia đình ông Hoàng Đ và bà Lê Thị V đã lấn chiếm nên xác định quan hệ pháp luật*"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn C khởi kiện bị đơn ông Hoàng Đ và bà Lê Thị V đều có nơi cư trú tại tiểu khu 4, thị trấn Ái Tử, huyện

Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách người tham gia tố tụng: Ông Nguyễn C khởi kiện nên xác định ông C là nguyên đơn; ông C khởi kiện ông Đ, bà V nên xác định ông Đ, bà V là bị đơn; bà Nguyễn Thị T là vợ ông C, anh Hoàng Anh Q, anh Hoàng Anh T là các con ông Đ, bà V nên xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[4] Về nội dung: Tại phiên tòa, cả bà T và ông Đ, bà V đều thừa nhận thửa đất của ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị T đang sử dụng theo sổ mục kê đất đai năm 2018 là thửa đất số 82 tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 295 tờ bản đồ số 4 theo hệ tòa độ VN2000) và ông Hoàng Đ, bà Lê Thị V đang sử dụng là thửa đất số 94 tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 293 tờ bản đồ số 4 theo hệ tòa độ VN2000) tại tiểu khu 4 thị trấn Ái Tử, huyện Triệu phong, tỉnh Quảng Trị. Tuy nhiên, phía ông C, bà T cho rằng trong quá trình sử dụng đất, gia đình ông Đ, bà V đã lấn sang đất của gia đình ông với diện tích 47,3 $m^2$ và gia đình ông Đ, bà V đã đóng cọc bê tông, rào dây kẽm gai trên phần đất lấn chiếm; còn phía gia đình ông Đ, bà V cho rằng gia đình ông rào hàng rào làm ranh giới giữa hai gia đình là theo biên bản hòa giải ngày 06/3/2020 của UBND thị trấn Ái Tử mà hai gia đình đã thống nhất xác định ranh giới. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào sổ mục kê đăng ký đất đai do Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 20/6/2018 thể hiện ông Nguyễn C sử dụng thửa đất số 82 tờ bản đồ số 04 với diện tích 1062,5$m^2$, tại tiểu khu 4, thị trấn Ái Tử, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Còn phía ông Hoàng Đ sử dụng tại thửa đất số 94, tờ bản đồ số 04 với diện tích 1997,7 $m^2$, tại tiểu khu 4, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu phong, tỉnh Quảng Trị.

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã thành lập Hội đồng xem xét, thẩm định tại chổ tại thửa đất tranh chấp giữa ông Nguyễn C với ông Hoàng Đ và bà Lê Thị V; kết quả đo vẽ của Hội đồng xem xét thẩm định tại chổ ngày 10/5/2023 (Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện Triệu Phong thực hiện và cung cấp sơ đồ đo vẽ ngày 17/7/2023), thể hiện thửa đất số 295 tờ bản đồ số 4 có diện tích hiện trạng đang sử dụng là 953,4 $m^2$; thửa đất số 293 tờ bản đồ sơ 4 có diện tích hiện trạng đang sử dụng là 1728,4 $m^2$. Như vậy, diện tích hiện trạng đang sử dụng đất của hai thửa đất đều thiếu so với diện tích thể hiện trong sổ địa chính năm 2018 của hai hộ gia đình. Tuy nhiên, căn cứ ranh giới hiện trang sử dụng đất và ranh giới của bản đồ địa chính hệ tọa độ VN 2000 thì thể hiện ranh giới hiện trạng đang sử dụng đất của hai hộ gia đình không trùng khớp với ranh giới bản đồ địa chính theo hệ tọa độ VN2000. Theo sơ đồ đo vẽ hiện trạng ranh giới sử dụng đất mà Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện Triệu Phong lập ngày 17/7/2023 thì hiện trạng hộ gia đình ông Hoàng Đ đã sử dụng lấn qua đất của gia đình ông Nguyễn C là 47,3 $m^2$, thể hiện cụ thể như sau: Từ điểm số 6 đến điểm số 7 là một đượng thẳng dài 0,17 m; từ điểm số 7 đến điểm số 14 là 51,32m; từ điểm số 14 đến điểm số 15 là 1,72 m và từ điểm số 15 đến điểm số 6 là 51,27m và theo kết quả xem xét thẩm định tại chổ thì trên phần đất tranh chấp ông Võ Đ và bà Lê Thị V đã làm một hàng rào trụ bê tông, rào dây kẽm gai để làm hàng rào giữa hai hộ gia đình. Như vậy, căn cứ ranh giới hiện trạng đang sử dụng đất của hai hộ gia đình và ranh giới bản đồ địa chính thì có cơ sở xác định vợ chồng ông Hoàng Đ, bà Lê Thị V đã sử dụng đất chồng lấn lên đất của vợ chồng ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị Tên cần buộc vợ chồng ông Hoàng Đ, bà Lê Thị V phải thảo dở hàng

rào trụ bê tông, rào dây kẽm gai để trả cho vợ chồng ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị T diện tích đất lấn chiếm là 47,3 $m^2$; ranh giới được xác định như sau: Phía Đông giáp đất của ông Nguyễn Châu, bà Nguyễn Thị Thu rộng 0,17 m (là một đường thẳng ký hiệu từ số 06 đến số 07); phía Nam giáp đất ông Hoàng Đông, bà Lê Thị Vui dài 51,32 m (là một đường thẳng ký hiệu từ số 07 đến số 14); phía Tây giáp Hội trường tiểu khu 4 rộng 1,72 m (là một đường thẳng ký hiệu từ số 14 đến số 15); phía Bắc giáp đất của ông Nguyễn Châu, bà Nguyễn Thị Thu dài 51,27 m (là một đường thẳng ký hiệu từ số 06 đến số 15). Xác định ranh giới giữa hai gia đình ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị T và gia đình ông Hoàng Đ, bà Lê Thị V là một đường thẳng kéo dài điểm số 6 đến điểm số 15 của sơ đồ hiện trạng ranh giới sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện Triệu Phong lập ngày 17/7/2023.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.101.000 đồng (ông C, bà T đã nộp). Yêu cầu của ông Nguyễn C được Tòa án chấp nhận nên ông Hoàng Đ và bà Lê Thị V phải hoàn trả cho ông Nguyễn C, bà T số tiền 5.101.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C nên Hoàng Đ và bà Lê Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 7 Điều 166; khoản 1, khoản 5 Điều 170 Luật Đất đai; Điều 175 Bộ luật Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

Buộc ông Hoàng Đ và bà Lê Thị V phải tháo dở toàn bộ hàng rào gồm trụ bê tông, rào dây kẽm gai B40 để trả lại diện tích đất 47,3 $m^2$ cho ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị T. Ranh giới được xác định theo sơ đồ hiện trạng ranh giới sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện Triệu Phong lập ngày 17/7/2023, cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp đất của ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị T rộng 0,17 m (là một đường thẳng ký hiệu từ số 06 đến số 07)
- Phía Nam giáp đất ông Hoàng Đ, bà Lê Thị V dài 51,32 m (là một đường thẳng ký hiệu từ số 07 đến số 14).
- Phía Tây giáp Hội trường tiểu khu 4 rộng 1,72 m (là một đường thẳng ký hiệu từ số 14 đến số 15)
- Phía Bắc giáp đất của ông Nguyễn C, bà Nguyên Thị T dài 51,27 m (là một đường thẳng ký hiệu từ số 06 đến số 15)

Ranh giới giữa hai gia đình ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị T và gia đình ông Hoàng Đ, bà Lê Thị V là một đường thẳng kéo dài điểm số 6 đến điểm số 15.

(Kèm theo bản án là sơ đồ hiện trạng ranh giới sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện Triệu Phong lập ngày 17/7/2023)

**2.** Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Hoàng Đg, bà Lê Thị V phải hoàn trả cho ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị T số tiền 5.101.000 đồng *(Năm triệu một trăm lẽ một nghìn đồng).*

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**3.** Về án phí:

- Ông Hoàng Đ và bà Lê Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Nguyễn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn C số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000377 ngày 01/03/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Anh Q, anh Hoàng Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Hồng Phước**

**Nơi nhận:**
*- TAND tỉnh QT;*
*- VKSND huyện TP;*
*- Chi cục THADS huyện TP;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ, văn thư.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**